

VNINDEX 1,190.22 +1.31%	HNX 225.31 +2.04%	UPCOM 88.02 +0.99%	DOW JONES 38,239.98 +0.67%	NIKKEI 225 37,438.61 +1.00%	DAX 17,860.80 +0.70%
-----------------------------------	-----------------------------	------------------------------	--------------------------------------	---------------------------------------	--------------------------------



Nhận định thị trường và chiến lược

"Hồi phục yếu"

Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng +15.37 điểm (+1.31%) lên mức 1190.22 điểm, tổng giá trị giao dịch trên sàn HOSE đạt 15,9 nghìn tỷ đồng, giảm -32.6% so với phiên trước. Chỉ số VN30 tăng +12.61 điểm (+1.06%) lên mức 1206.64 điểm với 23 mã tăng, 4 mã giảm và 3 mã tham chiếu.

Thị trường tạm ngưng đà rơi sau 4 phiên giảm liên tiếp và hồi phục với thanh khoản thấp. Thống kê cho thấy sắc xanh lan tỏa khắp thị trường, tập trung lớn ở các cổ phiếu thuộc nhóm VNMIID (+2.42%). Nhóm tăng điểm mạnh nhất trong phiên gồm Dịch vụ tài chính (+4.97%), Viễn thông (+2.6%), Xây dựng và vật liệu (+1.78%), Hóa chất (+1.6%). Một số các cổ phiếu có diễn biến nổi bật: FTS, CTR, DBC, VND tăng trần, HCM (+6.64%).

Diễn biến của các nhóm chỉ số thị trường chính: VN-Index (+1.31%), HNX-Index (+2.04%), UPCOM-Index (+0.99%), VN30 (+1.06%), HNX30 (+2.96%), VNMIID (+2.42%), VNSML (+1.41%), VNDIAMOND (+1.17%), VNFINLEAD (+2.39%), VNCOND (+1.36%), VNCONS (+0.82%).

Các cổ phiếu tác động tích cực tới chỉ số gồm BID (+2.44 điểm), CTG (+0.92 điểm), SSI (+0.7 điểm) trong khi đó các cổ phiếu kéo giảm điểm thị trường gồm VIC (-0.56 điểm), MBB (-0.13 điểm), PGV (-0.12 điểm).

Khối ngoại bán ròng -241.85 tỷ đồng trong đó các cổ phiếu bị khối ngoại bán ròng nhiều nhất gồm FUEVFNVD (-353.71 tỷ), MWG (-88.95 tỷ), VIC (-63.52 tỷ), VHM (-61.06 tỷ). Các cổ phiếu được khối ngoại mua ròng gồm VND (+141.09 tỷ), SSI (+61.99 tỷ), VRE (+50.48 tỷ).

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index xuất hiện phiên hồi phục đầu tiên sau tuần giảm điểm liên tiếp, tuy nhiên lực cầu vào vẫn còn yếu ớt mặc dù sắc xanh lan tỏa khắp thị trường. Trên biểu đồ ngày, chỉ số phản ứng với đường trung bình trượt MA200 ngày nhưng gặp cản tại MA100, tương đương mức Fibo 61.8%. Nhóm cổ phiếu Chứng khoán, Ngân hàng, Bất động sản là điểm sáng kéo điểm số của thị trường chung. Tuy nhiên, cấu trúc của VN-Index vẫn đang điều chỉnh trên biểu đồ khung ngày.

Ở trên biểu đồ nhỏ xuất hiện tín hiệu hồi phục ngắn hạn nhưng không đáng kể do lực cầu tham gia thấp. Các đường trung bình trượt đều trong trạng thái hướng xuống, chưa có tín hiệu đảo chiều. Tuy vậy sau khi chạm vùng quá bán, các chỉ báo kỹ thuật (MACD, MFI, Stoch), đang có xu hướng đảo chiều. Tuy nhiên xu hướng này sẽ không kéo dài do áp lực bán từ các phiên trước khá lớn.

Xét về xu hướng chung, thị trường hồi phục kỹ thuật sau khi VN-Index phản ứng rút chân tại 1167 điểm, đồng thời các tín hiệu tích cực về thị trường hỗ trợ thêm đà tăng điểm số. Nhip hồi phục thanh khoản thấp có thể lên tới vùng 121x điểm và kéo dài trong vài phiên trước khi VN-Index quay trở lại trạng thái điều chỉnh do yếu tố cung cầu của thị trường đang có sự chênh lệch giữa các nhóm ngành. Mốc hỗ trợ ngắn hạn của chỉ số ở vùng 1187 - 1173 điểm.

Hỗ trợ trung hạn của thị trường tại mốc 1080 - 1130 điểm.

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

Nhip hồi phục xuất hiện sau các phiên giảm điểm mạnh với thanh khoản thấp. Hầu hết các cổ phiếu tăng điểm tập trung tại nhóm tác động đến điểm số thị trường chung như Chứng khoán, Ngân hàng, Bất động sản. Do đó, nhà đầu tư ngắn hạn chưa nên vội đưa ra hành động mua mà nên ưu tiên quản trị rủi ro, không nên trung bình giá xuống khi cổ phiếu trong quá trình điều chỉnh, không nên sử dụng margin và chờ đợi tín hiệu tích cực từ thị trường.

Khi nhip điều chỉnh của thị trường kết thúc sẽ luôn mang lại cơ hội đối với cổ phiếu có cơ bản tốt, giữ được nền giá và điều chỉnh lành mạnh.

Hỗ trợ trung hạn của thị trường tại mốc 1080 - 1130 điểm.

BÁO CÁO CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Báo cáo Cập nhật ĐHCĐ 2024 - VHC
- Báo cáo ngành hàng (19/04/2024)

TIN TỨC THẾ GIỚI

- NHNN hủy đấu thầu vàng sáng 22/4 do không đủ số lượng thành viên đăng ký
- Căng thẳng thương mại Mỹ - Trung: Từ thép giá rẻ đến lo ngại xung đột
- Các đồng tiền ổn định sau những biến động trên thị trường

TIN TỨC NỔI BẬT TRONG NGÀY

- HoSE công bố vận hành chính thức hệ thống giao dịch KRX vào ngày 2-5
- Tập đoàn NVIDIA đến TP.HCM khảo sát địa điểm để đầu tư vào lĩnh vực bán dẫn
- Xuất khẩu dệt may khởi sắc

Lịch sự kiện đáng chú ý

- 25/04/2024: Công bố số sơ bộ GDP
- 26/04/2024: Các quỹ ETF Diamond cơ cấu chỉ số

Chỉ số thị trường Việt Nam	22/04/2024	(+/-%) 1 phiên	(+/-%) 7 phiên	(+/-%) 30 phiên
VNINDEX	1,190.22	1.31%	-5.40%	-3.66%
VNINDEX GTGD (Tỷ VND)	15,948.16	-32.62%	-3.40%	-33.02%
HNX	225.31	2.04%	-5.76%	-3.65%
HNX GTGD (Tỷ VND)	1,515.61	-41.67%	-13.58%	-25.10%
Upcom	88.02	0.99%	-3.19%	-2.91%
Upcom GTGD (Tỷ VND)	438.39	-40.74%	-6.54%	-39.45%
P/E VNindex (x)	13.87	1.24%	-5.39%	-3.61%
P/B VNindex (x)	1.71	1.18%	-5.52%	-3.93%

TOP TĂNG/GIẢM THEO VỐN HÓA TRÊN SÀN HOSE

Top cổ phiếu Bluechip	Top 5 mã tăng giá 1 phiên	Top 5 mã giảm giá 1 phiên	Top 5 mã tăng giá 7 phiên	Top 5 mã giảm giá 7 phiên	Top 5 mã tăng giá 30 phiên	Top 5 mã giảm giá 30 phiên
1	SSI 5.72%	VIC -1.41%	VJC 2.28%	NVL -16.06%	TCB 12.00%	MSN -13.68%
2	TPB 5.42%	MBB -0.44%	TCB 0.33%	PDR -15.66%	MWG 4.74%	SAB -10.29%
3	VRE 5.16%	VNM -0.31%	VIC -13.04%	VIB 2.48%	VNM -8.96%	VRE -8.65%
4	BID 3.62%	VHM -0.12%	GVR -10.03%	VJC 0.29%	BVH -8.65%	VRE -8.57%
5	STB 3.17%		KDH -7.72%	FPT 0.27%		

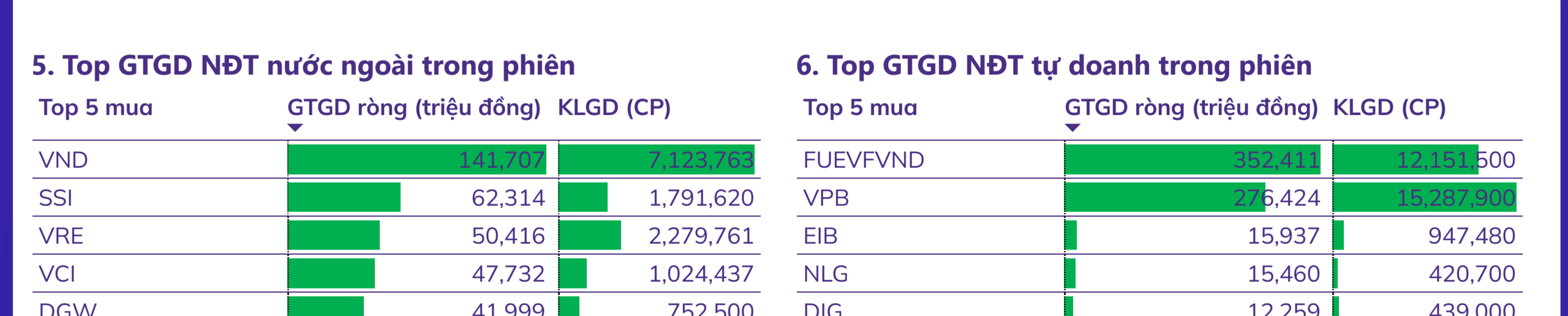
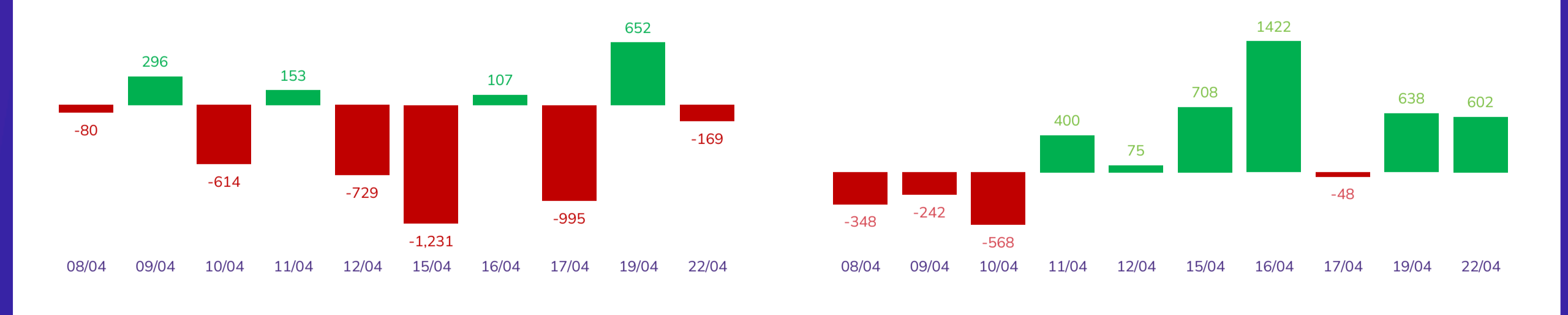
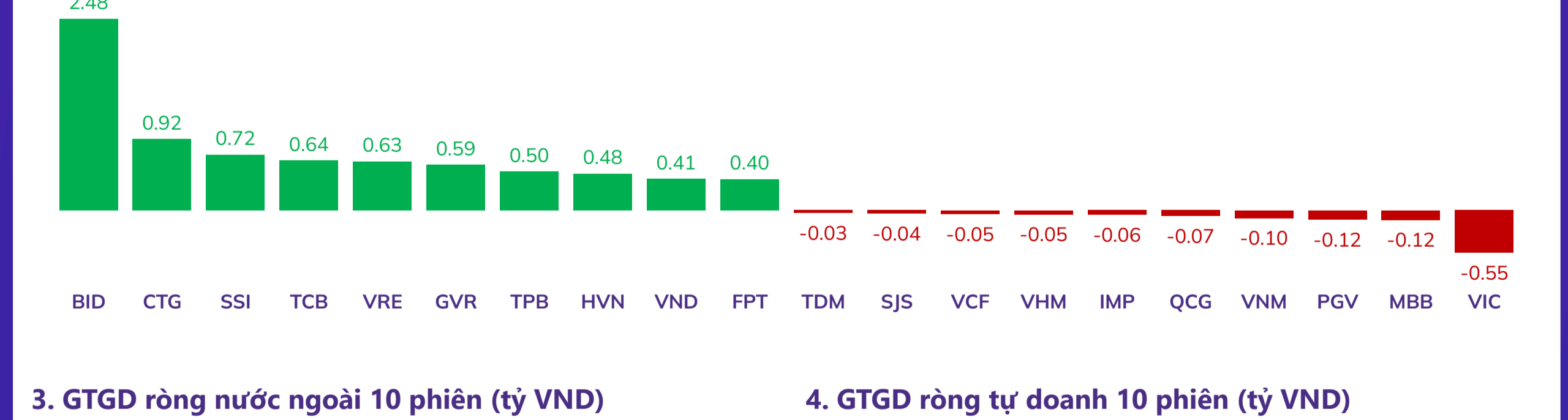
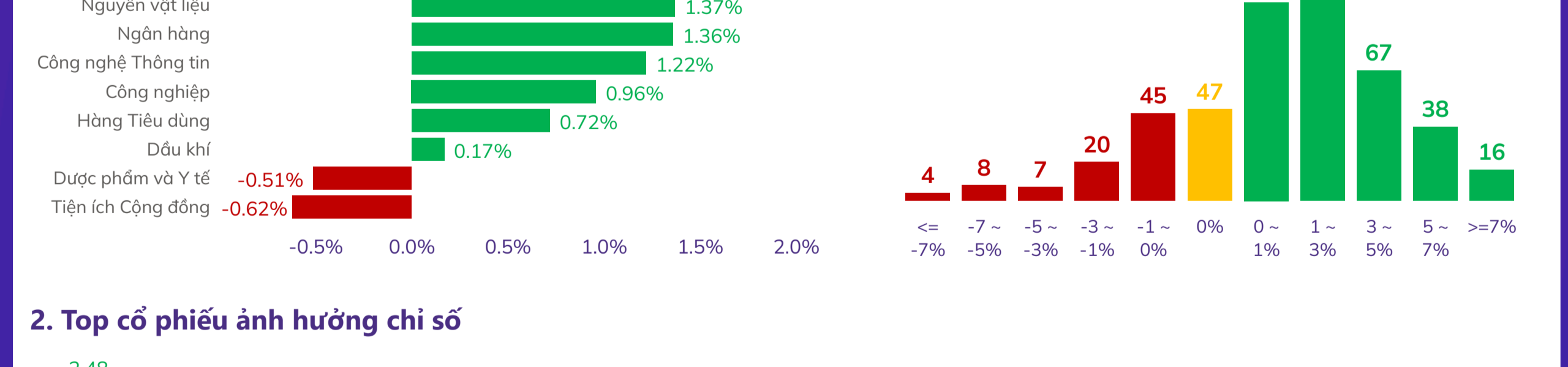
Top cổ phiếu Mid cap	Top 5 mã tăng giá 1 phiên	Top 5 mã giảm giá 1 phiên	Top 5 mã tăng giá 7 phiên	Top 5 mã giảm giá 7 phiên	Top 5 mã tăng giá 30 phiên	Top 5 mã giảm giá 30 phiên
1	PTB 6.94%	PSH -6.99%	LPB 10.93%	HPX -17.26%	HVN 23.05%	PSH -39.48%
2	DBC 6.92%	HPX -3.47%	PTB 3.27%	DXG -16.88%	LPB 22.66%	EVF -23.14%
3	ORS 6.91%	VCF -3.35%	NAB 3.17%	HHV -15.33%	TCH 18.75%	BCM -21.46%
4	VND 6.88%	SVC -2.73%	SHB 1.35%	DIG -14.85%	VCF 13.05%	ITA -17.68%
5	HCM 6.64%	TMP -2.67%	SGN 1.26%	ASM -14.62%	PTB 9.59%	NT2 -17.15%

Top cổ phiếu Small cap	Top 5 mã tăng giá 1 phiên	Top 5 mã giảm giá 1 phiên	Top 5 mã tăng giá 7 phiên	Top 5 mã giảm giá 7 phiên	Top 5 mã tăng giá 30 phiên	Top 5 mã giảm giá 30 phiên
1	FTS 7.00%	PMG -7.00%	QCG 23.33%	POM -21.07%	QCQ 79.03%	POM -44.15%
2	TNA 6.99%	QCG -6.72%	TNC 21.12%	AGM -19.56%	CLW 22.24%	RDP -39.13%
3	HRC 6.97%	IMP -5.34%	ADP 12.77%	DRH -19.18%	D2D 17.40%	AGM -30.57%
4	CTR 6.95%	VDP -5.00%	SMC 11.63%	FIR -18.70%	NTL 16.97%	BTP -30.39%
5	PDN 6.94%	POM -4.52%	QBS 9.22%	CNG -18.01%	ADP 16.04%	KPF -30.22%

TỔNG HỢP CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI, TỶ GIÁ VÀ HÀNG HÓA

	22/04/2024	(+/-%) 1 phiên	(+/-%) 7 phiên	(+/-%) 30 phiên
TTCK Toàn cầu				
DAX	17,860.80	0.70%	-0.39%	0.26%
Dow Jones	38,239.98	0.67%	0.68%	-1.37%
FTSE 100	8,023.87	1.62%	0.35%	4.75%
Nikkei 225	37,438.61	1.00%	-5.28%	-3.56%
S&P 500	5,010.60	0.87%	-2.20%	-2.10%
Tỷ giá				
USD/VND	25,445.00	0.16%	1.94%	3.10%
USD/JPY	154.63	0.01%	0.94%	5.23%
GBP/USD	1.24	0.00%	-1.59%	-3.13%
EUR/USD	1.07	0.94%	0.00%	-1.83%
Năng lượng				
Dầu thô Brent	87.15	0.08%	-3.27%	2.84%
Khí tự nhiên	1.80	2.27%	6.51%	1.12%
Than	138.00	-2.65%	3.18%	3.76%
Kim loại và vật liệu xây dựng				
Bạc	28.68	1.59%	2.94%	18.66%
Gỗ	514.19	1.22%	-3.64%	-15.78%
Quặng sắt	108.25	0.28%	3.38%	-4.20%
Vàng	2,386.50	-0.22%	0.13%	10.59%
Thép	3,585.00	-0.25%	4.22%	-1.83%
Thép cán nóng	805.00	-0.37%	-3.13%	-6.18%
Đồng	4.48	-0.44%	5.16%	13.99%
Nông nghiệp				
Lúa mì	588.50	3.84%	5.85%	7.49%
Đường	19.79	1.07%	-4.95%	-6.43%
Cao su	161.80	0.50%	-2.18%	-1.28%
Lợn hơi	96.75	0.44%	3.14%	13.36%
Cà phê	232.90	-3.08%	4.74%	19.84%

BIỂU ĐỒ TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG NGÀY 22/04/2024



Top 5 GTGD NĐT nước ngoài (trong phiên)	Top 5 GTGD NĐT tự doanh (trong phiên)																																				
<table border="1"> <tr><th>VND</th><th>GTGD ròng (triệu đồng)</th><th>KLGD (CP)</th></tr> <tr><td>VND</td><td>111,271</td><td>2,112,271</td></tr> <tr><td>SSI</td><td>62,314</td><td>1,791,620</td></tr> <tr><td>VRE</td><td>50,416</td><td>2,279,761</td></tr> <tr><td>VCI</td><td>47,732</td><td>1,024,437</td></tr> <tr><td>DGW</td><td>41,999</td><td>752,500</td></tr> </table>	VND	GTGD ròng (triệu đồng)	KLGD (CP)	VND	111,271	2,112,271	SSI	62,314	1,791,620	VRE	50,416	2,279,761	VCI	47,732	1,024,437	DGW	41,999	752,500	<table border="1"> <tr><th>VND</th><th>GTGD ròng (triệu đồng)</th><th>KLGD (CP)</th></tr> <tr><td>FUEVFNVD</td><td>35,241</td><td>12,111,500</td></tr> <tr><td>VPB</td><td>15,424</td><td>6,297,900</td></tr> <tr><td>EIB</td><td>15,937</td><td>947,480</td></tr> <tr><td>NLG</td><td>15,460</td><td>420,700</td></tr> <tr><td>DIG</td><td>12,259</td><td>439,000</td></tr> </table>	VND	GTGD ròng (triệu đồng)	KLGD (CP)	FUEVFNVD	35,241	12,111,500	VPB	15,424	6,297,900	EIB	15,937	947,480	NLG	15,460	420,700	DIG	12,259	439,000
VND	GTGD ròng (triệu đồng)	KLGD (CP)																																			
VND	111,271	2,112,271																																			
SSI	62,314	1,791,620																																			
VRE	50,416	2,279,761																																			
VCI	47,732	1,024,437																																			
DGW	41,999	752,500																																			
VND	GTGD ròng (triệu đồng)	KLGD (CP)																																			
FUEVFNVD	35,241	12,111,500																																			
VPB	15,424	6,297,900																																			
EIB	15,937	947,480																																			
NLG	15,460	420,700																																			
DIG	12,259	439,000																																			
<table border="1"> <tr><th>Top 5 bán</th><th>GTGD ròng (triệu đồng)</th><th>KLGD (CP)</th></tr> <tr><td>HDB</td><td>-47,421</td><td>-2,110,271</td></tr> <tr><td>VHM</td><td>-60,201</td><td>-1,485,620</td></tr> <tr><td>VIC</td><td>-63,211</td><td>-1,505,561</td></tr> <tr><td>MWG</td><td>-63,211</td><td>-1,834,037</td></tr> <tr><td>FUEVFNVD</td><td>-63,211</td><td>-1,110,271</td></tr> </table>	Top 5 bán	GTGD ròng (triệu đồng)	KLGD (CP)	HDB	-47,421	-2,110,271	VHM	-60,201	-1,485,620	VIC	-63,211	-1,505,561	MWG	-63,211	-1,834,037	FUEVFNVD	-63,211	-1,110,271	<table border="1"> <tr><th>Top 5 bán</th><th>GTGD ròng (triệu đồng)</th><th>KLGD (CP)</th></tr> <tr><td>ACB</td><td>-31,241</td><td>-12,111,500</td></tr> <tr><td>TCB</td><td>-15,424</td><td>-6,297,900</td></tr> <tr><td>PTB</td><td>-15,460</td><td>-420,700</td></tr> <tr><td>E1VFN30</td><td>-12,259</td><td>-439,000</td></tr> <tr><td>VIC</td><td>-63,211</td><td>-1,110,271</td></tr> </table>	Top 5 bán	GTGD ròng (triệu đồng)	KLGD (CP)	ACB	-31,241	-12,111,500	TCB	-15,424	-6,297,900	PTB	-15,460	-420,700	E1VFN30	-12,259	-439,000	VIC	-63,211	-1,110,271
Top 5 bán	GTGD ròng (triệu đồng)	KLGD (CP)																																			
HDB	-47,421	-2,110,271																																			
VHM	-60,201	-1,485,620																																			
VIC	-63,211	-1,505,561																																			
MWG	-63,211	-1,834,037																																			
FUEVFNVD	-63,211	-1,110,271																																			
Top 5 bán	GTGD ròng (triệu đồng)	KLGD (CP)																																			
ACB	-31,241	-12,111,500																																			
TCB	-15,424	-6,297,900																																			
PTB	-15,460	-420,700																																			
E1VFN30	-12,259	-439,000																																			
VIC	-63,211	-1,110,271																																			

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Địa chỉ: 36 P. Hoàng Cầu, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội
 Điện thoại: 024 3562 4626 Ext: 151
 Email: research@abs.vn
 Website: ABS.VN

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được phát hành bởi Phòng Phân tích Đầu tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS. Các thông tin, nhận định được ABS đưa ra dựa trên nguồn tin đáng tin cậy. Người sử dụng báo cáo cần tự chịu trách nhiệm khi sử dụng thông tin để ra quyết định mua, bán chứng khoán.